

Số: 2.57-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN - 210
NGUYỄN THỊ MINH KHAI, PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT,
TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'01.1"N; 108°02'18.8"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (09h50-10h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26057
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.57-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,97	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganatc	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: 210 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°41'01.1"N; 108°02'18.8"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được tích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.56-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – N6
TRẦN NHẬT DUẬT, PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'27.7"N; 108°03'20.8"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (09h10-09h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26056
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.56-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,35	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,83	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NI ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – N6 Trần Nhật Duật, Phường Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°41'27.7"N; 108°03'20.8"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.55-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 10 NGUYỄN KINH CHI, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'26.5''N; 108°03'28.7''E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (09h20-09h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26055
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.55-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,61	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQI.)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQI.)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,81	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân –10 Nguyễn Kinh Chi, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°41'26.5"N; 108°03'28.7"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQI.: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.54-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN –31
TRẦN QUÝ CÁP, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°40'55.0"N; 108°04'22.0"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h20-15h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26054
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.54-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,54	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,69	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPHI (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân -31 Trần Quý Cáp, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°40'55.0"N; 108°04'22.0"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-DLTN2 ngày 16/01/2026;

Chú chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.52-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 220 HOÀNG DIỆU, PHƯỜNG BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'01.4"N; 108°02'18.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (10h35-10h45) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuật
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26052
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mac Dinh Chi, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.52-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,70	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 220 Hoàng Diệu, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°41'01.4"N; 108°02'18.4"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/HYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.53-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN –597
HÀ HUY TẬP, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°43'12.0"N; 108°04'33.0"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h45-16h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26053
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn

Số: 2.53-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,58	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân -597 Hà Huy Tập, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°43'12,0"N; 108°04'33,0"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-DLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPII: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.51-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 49 ĐÌNH TIÊN HOÀNG, PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°40'39.8"N; 108°02'44.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h50-14h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26051
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province

Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center

Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn



Số: 2.51-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,51	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPII (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,72	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Dầu ra nước sạch hộ nhà dân – 49 Đình Tiên Hoàng, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°40'39.8'' N; 108°02'44.6'' E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPII: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.50-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – B1-B2 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TOẠ ĐỘ: 12°41'26.5"N; 108°03'28.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (10h05-10h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26050
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.50-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,87	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,79	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – B1-B2 Lý Tự Trọng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Toạ độ: 12°41'26.5"N; 108°03'28.9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.49-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH, PHƯỜNG TÂN AN, CN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK- 81 TRẦN VĂN TRÀ, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°42'47.9"N; 108°04'42.1"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (17h05-17h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26049
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Đắk Lắk Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel.): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn

Số: 2.49-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,58	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,49	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Bể chứa nước sạch, Phường Tân An, CN cấp nước Đắk Lắk- 81 Trần Văn Trà, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk. Tọa độ: 12°42'47.9"N; 108°04'42.1"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Chi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.48-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN –
148 NGUYỄN VĂN LINH, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°43'18.5"N; 108°05'40.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h05-16h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26048
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.48-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,20	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,66	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 148 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°43'18.5"N; 108°05'40.9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.47-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH TRẠM
XỬ LÝ CƯ PUL – PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°44'8.3"N; 108°08'41.7"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (08h10-08h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26047
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.47-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,31	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,91	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra Bể chứa nước sạch Trạm xử lý Cư Pul – phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°44'8.3"N; 108°08'41.7"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.46-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – NƯỚC SẠCH TRẠM Y TẾ HOÀ THẮNG,
89 NGUYỄN LƯƠNG BÀNG, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°42'19.7"N; 108°04'32.7"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (07h45-07h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26046
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4

Nguyễn Hữu Trung



Số: 2.46-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,27	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,68	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Nước sạch trạm y tế Hoà Thắng, 89 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°42'19.7"N; 108°04'32.7"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.

Số: 2.45-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH TRẠM XỬ LÝ HÒA THẮNG– PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°39'36.2"N; 108°06'54.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (07h30-07h40) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26045
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel.): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.45-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,42	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	2,05	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,72	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra Bể chứa nước sạch Trạm xử lý Hòa Thắng - Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°39'36.2"N; 108°06'54.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.44-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – NƯỚC SẠCH BỂ CHỨA PHAN CHU TRINH, CN BUÔN MA THUẬT-371 PHAN CHU TRINH, PHƯỜNG BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'52.6"N; 108°03'11.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (08h55-09h05) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26044
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.44-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,50	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,85	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Nước sạch bể chứa Phan Chu Trinh, CN Buôn Ma Thuột-371 Phan Chu Trinh
Tọa độ: 12°41'52.6"N; 108°03'11.9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 09/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.43-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 54
AMA JHAO, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°41'13.9"N; 108°03'54.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h10-14h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26043
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk / Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@qatvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn

Số: 2.43-DLTN2/013/K14-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,65	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,69	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 54 Ama Jhao, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°41'13.9"N; 108°03'54.4"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-DLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.42-ĐLTN2/013/KT4-K11

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 172 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°41'26.5''N; 108°01'59.4''E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h10-11h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26042
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mac Dinh Chi, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.42-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,58	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 172 Phạm Ngũ Lão, Phường Buon Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°41'26.5"N; 108°01'59.4"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-DLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.41-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 351 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG BUỒN MÀ THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°41'40.0"N; 108°03'53"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h20-14h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buồn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26041
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tevn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.41-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,58	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,74	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 351 Hùng Vương, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°41'40.0"N; 108°30'53"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-ĐLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.40-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – BỂ CHỨA ĐÀU RA NƯỚC SẠCH THẮNG LONG, CN BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°40'11.7"N; 108°02'35.0"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h20-13h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26040
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.40-ĐL.TN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,57	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi -	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,75	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NI I ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganatc mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Bể chứa đầu ra nước sạch Thăng Long, CN Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°40'11.7"N ; 108°02'35.0"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-ĐL.TN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.39-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH ĐÀI PHÁT THANH, TỈNH ĐẮK LẮK, CN BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°48'42.2"N; 108°07'59.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h45-12h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26039
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.39-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,80	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Bể chứa nước sạch Đài Phát Thanh, Tỉnh Đắk Lắk, CN Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°48'42.2"N ; 108°07'59.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-ĐLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.38-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC ĐẠT LÝ – THÔN 6, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°43'56.0"N; 108°07'59.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h20-16h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26038
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.38-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,30	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,61	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra Bể chứa nước sạch Trạm xử lý nước Đạt Lý – Thôn 6, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°43'56.0"N; 108°07'59.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-ĐLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.37-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN –
267C NGUYỄN VĂN CÙ, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'14.0"N; 108°03'54.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h50-16h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26037
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG DLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.37-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,31	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,71	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 267C Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°41'14.0"N; 108°03'54.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-DLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.36-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH BỂ CHỨA – 01
BÙI THỊ XUÂN, PHƯỜNG TÂN LẬP, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°41'06.6"N; 108°03'38.8"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h00-14h10) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26036
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.36-DL.TN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,45	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,80	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPII (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch Bể chứa -- 01 Bùi Thị Xuân, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°41'06.6"N; 108°03'38.8"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-DL.TN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.35-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK – 339 TÔN ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG TÂN AN, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°41'41.5"N; 107°53'04.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (09h40-09h50) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26035
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.35-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,68	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,70	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch cấp nước Đắk Lắk – 339 Tôn Đức Thắng Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°41'41.5"N; 107°53'04.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-DLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.34-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG – 52 LÊ DUẨN, PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°66'87.1"N; 108°04'97.7"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h00-13h10) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26034
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIETNAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tan An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mac Dinh Chi, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel.): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.34-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	2,52	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,58	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng – 52 Lê Duẩn, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. Tọa độ: 12°66'87.1" N; 108°04'97.7"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-ĐLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II; QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

Số: 2.33-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN –
139 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG BUÔN MA THUỘT, TỈNH
ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'37.7" N; 107°53'39.8" E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 17/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h45-13h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26033
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.33-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,45	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,77	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 139 Nguyễn Công Trứ, Phường Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°48'37.7" N; 107°53'39.8"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 08/Q4-ĐLTN2 ngày 17/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.9-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA BỂ CHỨA TRẠM XỬ LÝ EA NA, XÃ KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°33'0.25"N; 107°53'04.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h50-12h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Trạm Ea Na - Chi nhánh Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26009
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

SỐ: 2.9-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,48	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra bể chứa Trạm xử lý Ea Na, xã Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

Toạ độ: N 12°33'0.25"; 107°53'04.2"E

- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 07/Q4-ĐLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn



Số: 2.10-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 85
VÕ VĂN KIẾT, PHƯỜNG BUỒN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°38'19.0"N; 108°00'36.0"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 16/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h30-12h40) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Trạm Ea Na - Chi nhánh Buôn Ma Thuột
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26010
- Thời gian thử nghiệm : từ 16/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.10-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 85 Võ Văn Kiệt, Phường Buon Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°38'19.0"N; 108°00'36.0"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 07/Q4-DLTN2 ngày 16/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.